| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 22/2021/DS-PT<br>Ngày: 15 - 9 - 2021<br>V/v: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Sâm.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Tử Lượng và bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/TLPT- DS ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Bà Vũ Thị Y, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số nhà 46, ngõ 16, đường Th, phố TA, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Ông Bùi Lịch S, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 403, phố Kh, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S**: Ông Đặng Tiến B, Luật sư - Văn phòng luật sư TĐ, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ: Số 237, đường T, phố PC, phường NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị Kim Q; Địa chỉ: Số nhà 403, phố Kh, phường NK, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ông Trịnh Xuân M; Địa chỉ: Số nhà 46, ngõ 16, đường Th, phố TA, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Người làm chứng:**

Ông Vương Văn Tr; Địa chỉ: Số nhà 226, đường 30/6, phố YK, phường NT, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**Người kháng cáo:** Ông Bùi Lịch S, là bị đơn.

Tại phiên tòa: Bà Y, ông S, ông B, ông Tr (có mặt); ông M, bà Q (có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, bản tự khai ngày 22/10/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Thị Y trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên ông Bùi Lịch S có đặt vấn đề vay tiền của bà Vũ Thị Y để trả tiền nợ xây nhà và mua sắm trang thiết bị. Sau khi nhận đủ tiền, ông S tự tay viết Giấy biên nhận với nội dung: "Hôm nay, ngày 09/01/2014. Tên tôi là Bùi Lịch S, số nhà 403, phố Kh, phường NK, thành phố Ninh Bình có vay của bà Vũ Thị Y số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng chẵn), thời hạn vay là 6 tháng. Người vay ký tên Bùi Lịch S", có chữ ký người chứng kiến là ông Vương Văn Tr.

Hết thời hạn 6 tháng, ông S không trả tiền cho bà Y như đã thỏa thuận. Bà Y đã nhiều lần yêu cầu ông S trả nợ, nhưng ông S đều khất nợ chây ỳ không trả. Số tiền 380.000.000đồng bà Y cho ông S vay là tài sản chung của vợ chồng bà Y. Do hai bên không giải quyết được, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả cho vợ chồng bà Y toàn bộ số tiền nợ gốc là 380.000.000đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi, theo lãi suất 0,9%/năm tính từ ngày 09/7/2014 đến 09/10/2020 là 6 năm 3 tháng với số tiền lãi là 213.750.000 đồng và số tiền lãi tiếp theo tính từ ngày 10/10/2020 đến khi ông S thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bà Y thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị buộc ông S trả cho vợ chồng bà Y số tiền nợ gốc đã vay là 380.000.000 đồng và không yêu cầu buộc ông S phải trả số tiền lãi.

*Tại bản tự khai ngày 04/11/2020, bị đơn ông Bùi Lịch S trình bày:* Giấy biên nhận vay nợ ngày 09/01/2014 là do ông S viết và ký tên. Tuy nhiên giấy biên nhận vay nợ này ông S không vay nợ và không lấy tiền như nội dung giấy vay nợ đã ghi, mà ông S và ông Trịnh Xuân M (chồng bà Y) có thỏa thuận ông S cấp dầu cho các tàu do ông M đưa vào cảng thì ông M sẽ được hưởng hoa hồng trên số lít dầu mà ông S đã bán cho tàu, ông M có trách nhiệm đòi nợ tiền dầu của các tàu đó cho ông S. Để thuận lợi cho việc đòi nợ tàu, thì ông M bảo ông S viết Giấy vay nợ bà Y (vợ ông M), để ông M đi đòi nợ tàu hộ ông S, ông M có thể đòi được khoản nợ của ông S với các chủ tàu, vì ông M làm cán bộ cảng vụ tại cảng Ninh Bình, nên các chủ tàu nể sợ để trả nợ. Giấy biên nhận có chữ ký của người chứng kiến là ông Vương Văn Tr, khi ông S viết xong giấy biên nhận thì ông Tr mới ký vào giấy biên nhận, việc ông Tr ký vào giấy biên nhận chỉ thêm tính xác thực để ông M đi đòi nợ. Giấy biên nhận ghi ngày 09/01/2014, nhưng phần cuối có chữ ký của ông S, lại ghi sai là năm 2013, khi

phát hiện đã bỏ đi, nhưng sơ ý ông S không xé bỏ giấy vay nợ này đi, để vợ chồng ông M giữ lại. Sau đó ông S và bà Y đã cùng viết Giấy biên nhận vay nợ khác có đóng dấu của xí nghiệp ông S. Sau một thời gian, ông M không đòi nợ được đồng nào, ông S thấy có vấn đề, không tin tưởng ông M nên hai bên cãi nhau không hợp tác. Ông S đã xé giấy vay tiền có đóng dấu của xí nghiệp trước mặt ông M. Từ đó đến nay, hai bên không liên hệ với nhau nữa. Bà Nguyễn Thị Kim Q là vợ ông S, không biết gì về việc làm ăn của ông S, cũng không biết việc ông S viết giấy biên nhận vay nợ với vợ chồng bà Y. Bà Q không liên quan gì đến giấy biên nhận vay nợ này. Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả khoản nợ gốc là 380.000.000đồng và tiền lãi, ông S không đồng ý, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Y.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Xuân M trình bày:* Ông M nhất trí với nội dung trình bày của bà Y. Ông S vay số tiền 380.000.000 đồng vay với tư cách cá nhân, không phải vay cho xí nghiệp, cũng không có văn bản thỏa thuận nào thể hiện xí nghiệp vay tiền. Người chứng kiến việc vay tiền và ký tên vào giấy vay là ông Vương Văn Tr, lúc đó là giám đốc xí nghiệp tại thời điểm ông S vay tiền. Khi bà Y cho ông S vay tiền cũng đã hỏi ý kiến ông M, ông M đồng ý. Vì vậy số tiền 380.000.000đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng) ông S đứng tên vay bà Y là tài sản chung của vợ chồng ông M, bà Y. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S phải trả số tiền trên cho vợ chồng ông M. Việc ông S vay số tiền trên không liên quan đến bà Nguyễn Thị Kim Q (vợ ông S). Bà Q không biết việc ông S vay tiền bà Y, nên bà Q không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ này của ông S.

Bà Nguyễn Thị Kim Q không có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, bà Q không đến Tòa làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án.

*Tại biên bản làm việc ngày 14/12/2020, biên bản đối chất ngày 20/01/2021, người làm chứng ông Vương Văn Tr trình bày*: Sau khi xem xét giấy vay nợ của bà Vũ Thị Y cung cấp cho Tòa án. Ông Tr xác nhận chữ ký dưới mục người chứng kiến là chữ ký của ông Tr trong giấy biên nhận ngày 09/01/2014 do ông S viết. Do thời gian đã lâu, ông Tr không nhớ đã ký Giấy biên nhận này ở đâu, không nhớ có chứng kiến việc giao tiền của ông S với bà Y không. Vì trong nhiều giao dịch làm ăn của ông S, thì ông S thường hay đưa ông Tr đi chứng kiến việc giao dịch. Ông Tr không để ý việc ghi sai năm 2013 và năm 2014 trong giấy biên nhận.

Tại bản án số 04/2021/DS - ST ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình quyết định: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468, điểm b, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Y về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Bùi Lịch S phải trả cho bà Vũ Thị Y và ông Trịnh Xuân M số tiền 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hánh án theo mức lãi xuất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Lịch S phải chịu 19.000.000đồng (Mười chín triệu đồng chẵn).

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ phải thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, ông Bùi Lịch S là bị đơn, có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bỏ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, xét xử vắng mặt bị đơn khi không tống đạt Giấy triệu tập phiên tòa, không tống đạt bản án cho bị đơn ... nên tuyên án thiên vị có lợi cho nguyên đơn, không đảm bảo quyền lợi cho bị đơn; Bản chất sự việc, đánh giá chứng cứ không đúng. Giấy biên nhận nợ lập sai hình thức, thiếu nội dung cơ bản nên không có giá trị pháp lý, không rõ thời điểm xác lập, không rõ địa điểm giao dịch ở đâu, không rõ đặc điểm nhân thân của người cho vay; Giấy vay tiền chỉ là giao dịch giả tạo không có việc giao nhận tiền, nên không có chứng cứ, chứng minh việc giao nhận tiền là tiền mặt hay chuyển khoản giữa ông S và bà Y...

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Vũ Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông S phải trả cho vợ chồng bà Y số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng) và bà Y yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét tính tiền lãi, buộc ông S trả tiền lãi cho bà Y.

Bị đơn ông Bùi Lịch S giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, không sửa đổi bổ sung thêm gì, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S trình bày: Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét lại tính khách quan, trung thực của phiên tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng trình tự thủ tục tố tụng dân sự; Bản chất sự việc hoàn toàn không có việc vay nợ giữa cá nhân ông S và bà Y như phiên tòa sơ thẩm đã nhận định; Hình thức chứng cứ do bà Y đưa ra không phải là văn bản hợp đồng vay tài sản; Đánh giá chứng cứ sai, chưa xác định giấy biên nhận là năm 2013 hay năm 2014; Thời hiệu khởi kiện là 3 năm đến nay đã hết, do vậy bà Y không có quyền khởi kiện vì quá thời

hạn. Đề nghị HĐXX xem xét ra bản án có tình, có lý đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Bùi Lịch S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông Bùi Lich S (là người cao tuổi). Hoàn trả lại cho ông Bùi Lịch S 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông S đã nộp theo biên lai ngày 19/7/2021.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Lịch S là bị đơn, có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định; hình thức, nội dung đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 272, 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy đơn kháng cáo của ông Bùi Lịch S hợp lệ, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Lịch S đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm về trình tự thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ, Giấy vay tiền chỉ là giao dịch giả tạo, ông S không đồng ý trả số tiền 380.000.000 đồng cho bà Y. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Y là đúng thẩm quyền, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông S có giao nộp cho Tòa án 01 bản tự khai ngày 04/11/2020, sau đó Tòa án đã giao, gửi giấy triệu tập, văn bản tố tụng Tòa án cho ông S, bà Q đến Tòa án để làm việc như Thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa... nhưng ông S, bà Q đều vắng mặt. Qua xác minh tại Công an phường NK cung cấp ông S, bà Q thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không thông báo thay đổi địa chỉ... Do ông S, bà Q không thông báo cho Tòa án biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới. Do vậy

Tòa án cấp sơ thẩm đã làm đầy đủ các thủ tục về việc cấp, tống đạt và Niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy ông S cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tống đạt giấy triệu tập phiên tòa cho ông là vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án này là 3 năm, đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện. Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự không có ai yêu cầu áp dụng về thời hiệu. Do vậy, yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đưa ra sau khi có bản án sơ thẩm, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và giấy vay tiền ngày 09/01/2014 do nguyên đơn cung cấp có nội dung thể hiện*"Hôm nay ngày 09/01/2014 tôi là Bùi Lịch S, số nhà 403, phố Kh, phường NK, TP Ninh Bình có vay của bà Vũ Thị Y số tiền là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng), thời hạn vay 6 tháng. Ninh Bình ngày 09/01/2013 người vay ký Bùi Lịch S, người chứng kiến Vương Văn Tr".*

Ông S thừa nhận giấy biên nhận vay nợ ngày 09/01/2014 là do chính ông S viết và ký tên, giấy biên nhận đó chỉ là giao dịch giả tạo, thực tế không có việc ông S vay tiền của bà Y như nội dung trong giấy biên nhận, mà việc ông S viết giấy biên nhận vay nợ của bà Y số tiền 380.000.000đồng mục đích là để đưa cho ông M (chồng bà Y), vì ông S và ông M có quan hệ làm ăn với nhau, để ông M giúp ông S đòi nợ hộ các tàu đã mua dầu của cửa hàng xăng dầu do ông S làm chủ cửa hàng trưởng. Tuy nhiên, ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho giao dịch trên của ông S và ông M là đúng sự thật. Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông M, bà Y khẳng định ông S vay của bà Y số tiền 380.000.000đồng là tài sản chung của bà Y và ông M. Ông S là người trực tiếp vay viết giấy nợ và ký tên, có ông Tr là người chứng kiến, không phải là giao dịch giả tạo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr khẳng định ông có ký vào giấy vay tiền ngày 09/01/2014 với tư cách là người chứng kiến, nhưng do lâu ngày ông Tr không nhớ thời gian ký và ký tại đâu, ông không chứng kiến việc giao tiền giữa ông S và bà Y.

Như vậy có đủ cơ sở khẳng định giấy biên nhận vay nợ ngày 09/01/2014, ông Bùi Lịch S có vay của bà Vũ Thị Y số tiền là 380.000.000đồng, thời hạn vay là 06 tháng, khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay nợ, giấy biên nhận do chính ông S là người viết và ký tên. Đến thời hạn trả nợ, nhưng ông S không trả nợ cho bà Y là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy bà Y có quyền đòi ông S trả nợ số tiền là 380.000.000 đồng. Đối với việc ông S vay tiền của bà Y tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực,

nhưng giao dịch dân sự nêu trên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án và căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông S phải trả cho bà Y, ông M số tiền nợ gốc 380.000.000đồng là có căn cứ đúng pháp luật. Vì vậy, việc ông S cho rằng giấy biên nhận vay nợ ngày 09/01/2014 giữa ông S và bà Y là giao dịch giả tạo là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại đơn khởi kiện bà Vũ Thị Y yêu cầu ông Bùi Lịch S phải trả số tiền nợ gốc là 380.000.000đồng và số tiền lãi từ ngày 09/7/2014 đến 09/10/2020 là 213.750.000đ và lãi tiếp theo từ ngày 10/10/2020 cho đến khi ông S thanh toán xong số tiền nợ cho vợ chồng bà Y. Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ bà Y thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông S phải trả số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng và không yêu cầu ông S phải trả số tiền lãi. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Y có quyền quyết định và tự định đoạt yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết buộc ông Bùi Lịch S phải trả cho bà Vũ Thị Ý, ông Trịnh Xuân M số tiền nợ gốc là 380.000.000đồng và không xem xét giải quyết số tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vũ Thị Ý đề nghị xem xét buộc ông S phải trả số tiền lãi. HĐXX xét thấy yêu cầu của bà Y không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà Vũ Thị Ý là nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Bùi Lịch S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông Bùi Lịch S thuộc trường hợp người cao tuổi, được miễn án phí, nhưng trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông S không có đơn xin miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên ông S không được miễn nộp án phí. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 19.000.000đồng là đúng theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Lịch S không được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông S thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có Đơn xin miễn án phí ngày 26/8/2021, thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Đơn xin miễn án phí của ông S, ông S được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông S đã nộp được hoàn trả lại cho ông S.

Từ các căn cứ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Lịch S. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Lịch S.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Lịch S được miễn, không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông Bùi Lịch S số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông S đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000612 ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 15 tháng 9 năm 2021.

***Nơi nhận:***
- Tòa án cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân TPNB;
- Chi cục THADS TPNB;
- Các đương sự;
- Phòng KTNVTHA;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP;
- Lưu Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(đã ký)*

**Trần Thị Sâm**